

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2020/HSST
Ngày 27/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Bằng và bà Hoàng Thảo Yên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Vũ Minh Trang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Hà - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 27/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 137/2020/HSST ngày 01/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/QĐXXST-HS ngày 13/7/2020 đối với bị cáo:

Trần Thị Thanh B, sinh năm 1990.

HKTT: Khu Tự Thôn, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; trình độ văn hoá: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Trọng Thao, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị Vệ, sinh năm 1968; Chồng, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 21/2020/HSST, ngày 20/4/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt B 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B theo Quyết định Thi hành án phạt tù đối với người kết án đang bị tạm giam số 40 ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Đỗ Đức K, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng cuối năm 2018, Trần Thị Thanh B quen biết anh Đỗ Đức K qua mạng xã hội, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên B nảy sinh ý định đưa ra thông tin giả dối nhằm chiếm đoạt tiền của anh K với thủ đoạn tự nhận mình làm trong Công ty Samin Vina khu công nghiệp Q có khả năng chạy các hợp đồng đóng

xe vào Công ty nhưng thực chất B không làm tại Công ty S, không có khả năng chạy các hợp đồng với Công ty S nhưng B vẫn đưa thông tin giả dối để anh K tin và chuyển tiền nhiều lần cho B: ngày 23/01/2019 chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 10.000.000đ tổng số 20.000.000đ; ngày 25/01/2019 chuyển khoản 5.000.000đ; 27/01/2019 chuyển khoản 5.000.000đ; tổng số tiền các lần anh K chuyển khoản cho bị cáo B là 30.000.000đ (các lần anh K chuyển khoản từ tài khoản anh K tới tài khoản của B) và ngày 26/01/2019 anh K đưa tiền trực tiếp cho B là 130.000.000đ; Tổng số tiền B chiếm đoạt của anh K là 160.000.000đ nhằm mục đích tiêu sài cá nhân.

Ngày 13/02/2020 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định tài liệu xác định mẫu chữ viết của Trần Thị Thanh B

Ngày 01/4/2020 tại Kết luận giám định số 34/KLGĐTL- 09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký đứng tên Trần Thị Thanh B trong hợp đồng đặt cọc tiền nhận xe kiêm biên nhận tiền và phiếu thu cùng ngày 26/01/2019 so với chữ ký do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu thập được là do cùng một người ký ra.

Bản cáo trạng số: 117/CT-VKSTPBN, ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố Trần Thị Thanh B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay: Bị cáo B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Khoảng cuối năm 2018, thông qua mạng xã hội, bị cáo có biết anh Đỗ Đức K. Biết anh K có một số xe ô tô cần cho thuê, do đang cần tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh K bằng thủ đoạn đưa ra thông tin giả dối là có thể xin được hợp đồng đóng các xe ô tô vào các Công ty trên địa bàn khu công nghiệp Q, B. Để anh K tin bị cáo đã hẹn gặp trực tiếp trao đổi nói bị cáo đang làm việc tại Công ty Samin Vina khu công nghiệp Quế Võ và có thể làm hợp đồng đóng 13 xe với mức tiền cọc hợp đồng mỗi xe là 10.000.000đ, tổng 130.000.000đ, anh K đồng ý và đưa tiền mặt trực tiếp. Ngày 23/01/2019 lấy lý do cần tiền chạy hợp đồng đóng xe vào Công ty, bị cáo bảo anh K chuyển 20.000.000đ tiền ngoài hợp đồng cho bị cáo, anh K chuyển làm 02 lần, mỗi lần 10.000.000đ từ tài khoản ngân hàng số 0351000642426 của bị cáo mở tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh B. Ngày 25/01/2019 bị cáo tiếp tục yêu cầu anh K chuyển 5.000.000đ vào tài khoản của B. Ngày 26/01/2019 bị cáo hẹn anh K đến văn phòng làm việc và làm hợp đồng cọc tiền nhận xe kiêm biên nhận tiền nội dung thể hiện anh K góp vốn để đóng xe vào Công ty, thời hạn góp vốn từ ngày 26/01/2019 đến ngày 20/02/2019, tổng số vốn góp là 130.000.000đ. Bị cáo có viết phiếu thu thể

hiện đã thu tiền. Ngày 27/01/2019 bị cáo yêu cầu anh K chuyển thêm 5.000.000đ vào tài khoản của mình. Tổng số tiền bị cáo đã nhận của anh K là 160.000.000đ gồm 130.000.000đ nhận tiền mặt trực tiếp là tiền cọc hợp đồng và 30.000.000đ tiền chuyển khoản từ tài khoản anh K chuyển tới tài khoản bị cáo dùng để chạy hợp đồng. Toàn bộ số tiền 160.000.000đ do anh Kha chuyển khoản, giao trực tiếp do một mình bị cáo B nhận. Sau khi nhận tiền của anh K, bị cáo không có ủy quyền hợp tác với Công ty, bị cáo không phải là cán bộ công nhân viên Công ty S, không có các mối quan hệ hoặc không có khả năng lo được hợp đồng đóng xe vào Công ty như nói với anh K. Toàn bộ số tiền 160.000.000đ chiếm đoạt của anh K bị cáo đã sử dụng cá nhân hết và chưa trả được tiền cho anh Kha.

Bị hại anh Đỗ Đức K trình bày: Lời khai nhận bị cáo B tại phiên tòa là đúng. Anh biết B qua mạng xã hội, bị cáo biết anh có một số xe ô tô cần cho thuê nên bị cáo B đã đưa ra thông tin giả dối là có mối đẩy xe vào các Công ty B làm việc tại Công ty S khu công nghiệp Q, B, có mối quan hệ có thể xin được hợp đồng xe vào các công ty chạy. Anh tin tưởng đã giao tiền, chuyển khoản nhiều lần cho Biên vào các ngày 23/01/2019; 25/01/2019; 26/01/2019; 27/01/2019, tổng số tiền 160.000.000đ, đặt cọc 10.000.000đ/đầu xe; 13 xe là 130.000.000đ. Anh đã tin tưởng giao tiền và ký hợp đồng với B, ngày 23/01/2019 lấy lý do cần tiền chạy hợp đồng đóng xe vào Công ty anh K chuyển 20.000.000đ tiền ngoài hợp đồng cho B, anh K chuyển làm 02 lần, mỗi lần 10.000.000đ đến tài khoản ngân hàng số 0351000642426 của B tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh B. Ngày 25/01/2019 anh Kha chuyển 5.000.000đ vào tài khoản của Biên. Ngày 26/01/2019 bị cáo hẹn đến văn phòng làm việc và làm hợp đồng cọc tiền nhận xe kiêm biên nhận tiền nội dung thể hiện anh Kha góp vốn để đóng xe vào Công ty. Tổng số tiền Biên chiếm đoạt của anh K là 160.000.000đ gồm 130.000.000đ nhận tiền mặt trực tiếp là tiền cọc hợp đồng và 30.000.000đ tiền chuyển khoản từ tài khoản anh K chuyển tới tài khoản bị cáo B dùng để chạy hợp đồng. Sau khi B nhận tiền của anh K thì B không làm tại Công ty S, không có khả năng chạy các hợp đồng với Công ty S nhưng B vẫn đưa thông tin giả dối để anh K tin và chuyển tiền nhiều lần cho B. Nay anh đề nghị HĐXX buộc bị cáo B bồi thường cho anh số tiền 160.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Trần Thị Thanh B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt Biên từ 03 năm 06 tháng

tù đến 04 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh K số tiền 160.000.000đồng. Tổng hợp với bản án số 21/2020/HSST, ngày 20/4/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt Biên 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt cho cả hai bản án từ 16 năm 06 tháng tù đến 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/10/2019. Bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Bị cáo nhận tội, không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo B bằng thủ đoạn đưa ra thông tin giả dối là bị cáo đang làm việc tại Công ty S khu công nghiệp Q có thể xin được hợp đồng đóng các xe ô tô vào các Công ty trên địa bàn khu công nghiệp Q, B. Để anh K tin bị cáo nói bị cáo có thể làm hợp đồng đóng 13 xe với mức tiền cọc hợp đồng mỗi xe là 10.000.000đ, tổng 130.000.000đ, anh K tin tưởng đồng ý và đưa tiền mặt trực tiếp. Ngày 23/01/2019 lấy lý do cần tiền chạy hợp đồng đóng xe vào Công ty, bị cáo bảo anh K chuyển 20.000.000đ tiền ngoài hợp đồng cho bị cáo, anh K chuyển làm 02 lần, mỗi lần 10.000.000đ từ tài khoản ngân hàng số 0351000642426 của bị cáo mở tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh B. Ngày 25/01/2019 bị cáo tiếp tục yêu cầu anh K chuyển 5.000.000đ vào tài khoản của B. Ngày 26/01/2019 bị cáo hẹn anh K đến văn phòng làm việc và làm hợp đồng cọc tiền nhận xe kiêm biên nhận tiền nội dung thể hiện anh K góp vốn để đóng xe vào Công ty, thời hạn từ ngày 26/01/2019 đến ngày 20/02/2019, tổng số tiền 130.000.000đ. Bị cáo có viết phiếu thu thể hiện đã thu tiền. Ngày 27/01/2019 bị cáo yêu cầu anh K chuyển thêm 5.000.000đ vào tài khoản của mình. Tổng số tiền bị cáo đã nhận của anh K là 160.000.000đ gồm 130.000.000đ nhận tiền mặt trực tiếp là tiền cọc hợp đồng và 30.000.000đ tiền chuyển khoản từ tài khoản anh K chuyển tới tài khoản bị cáo B dùng để chạy hợp

đồng. Sau khi nhận tiền của anh K, bản thân bị cáo không phải là cán bộ công nhân viên Công ty S, cũng không có ủy quyền hợp tác với Công ty cũng không có các mối quan hệ hoặc không có khả năng lo được hợp đồng đóng xe vào Công ty như nói với anh K. Toàn bộ số tiền 160.000.000đ chiếm đoạt của anh K do một mình bị cáo trực tiếp nhận tiền, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Trần Thị Thanh B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra còn gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn. Do vậy cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do bản tính lười lao động, muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo HĐXX nhận thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, tại bản án số 21/HSST, ngày 20/4/2020, Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt Biên 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo có hành vi đưa ra thông tin giả dối làm anh Kha tin tưởng nhằm chiếm đoạt của anh K nhiều lần tổng số tiền là 160.000.000đ, việc chiếm đoạt tiền nhiều lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo B tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc loại tội rất nghiêm trọng, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Để tạo điều kiện cho bị cáo khi trở về địa phương có cuộc sống ổn định sớm hoà nhập cộng đồng nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là có căn cứ và phù hợp, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử bị cáo hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới giúp bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Đức K yêu cầu bị cáo B phải bồi thường cho anh số tiền 160.000.000đ. Xét yêu cầu của anh Kha có căn cứ cần buộc bị cáo Biên phải bồi thường cho anh K số tiền trên là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 174; Điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh B 04 (Bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với bản án số 21/2020/HSST, ngày 20/4/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt B 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt cho cả hai bản án là 17 (Mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh Đỗ Đức K số tiền 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, Bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- CCTHADS thành phố Bắc Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng